

**CÔNG TY
CỔ PHẦN GIAO NHẬN
VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011**

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2011	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM, ngày 24 tháng 06 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Đại lý Vận Tải Và Gom Hàng thành Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 064162, ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty còn thành lập các chi nhánh sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000 và thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696, ngày 22 tháng 09 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.
- Văn phòng đại diện thương mại tại Vương quốc Campuchia được thành lập theo Giấy chứng nhận xác nhận có đăng ký trong sổ thương mại số 5692 TM/PC, ngày 17 tháng 12 năm 2010 do Bộ Thương Mại Campuchia cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các dịch vụ: giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh: kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý cho các công ty chuyển phát nhanh nước ngoài;
- Gia công nút áo bằng vỏ sò, đồ gỗ;
- Gia công quần áo và hàng gia dụng bằng nylon-nhựa PVC;
- Gia công hàng dệt may;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Dịch vụ chuyển phát.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Xuân Hồng	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Loan	Ủy viên
Ông Trương Minh Long	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày lập báo cáo này mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm Toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NAM TIẾN

Số: 12.154/BCSX - DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Các thành viên Hội Đồng Quản Trị
 Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc
 CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2011

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

KIỂM TOÁN VIÊN

TẶNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

NGÔ THANH BÌNH
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.676.367.601	99.467.184.455
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	23.902.769.377	42.900.654.506
1. Tiền	111		18.902.769.377	31.900.654.506
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	11.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	58.669.974.446	52.117.538.725
1. Phải thu khách hàng	131		37.368.326.677	31.173.887.546
2. Trả trước cho người bán	132		13.536.912.093	12.983.429.729
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		8.896.237.073	9.091.722.847
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.131.501.397)	(1.131.501.397)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.103.623.778	4.448.991.224
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		224.630.000	669.236.501
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.3)	5.878.993.778	3.779.754.723

(Phần tiếp theo ở trang 5)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.626.945.849	54.766.857.201
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		17.522.364.345	18.866.156.318
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	17.522.364.345	18.866.156.318
+ Nguyên giá	222		31.472.908.332	31.272.379.763
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.950.543.987)	(12.406.223.445)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.5)	35.648.257.802	34.589.433.802
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		34.067.107.802	33.008.283.802
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.581.150.000	1.581.150.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.456.323.702	1.311.267.081
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		921.127.702	793.351.081
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		535.196.000	517.916.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		143.303.313.450	154.234.041.656

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.368.182.836	27.692.943.089
I. Nợ ngắn hạn	310		24.365.185.440	27.675.837.393
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.6)	10.397.085.491	8.196.957.047
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.6)	4.156.697.050	10.638.966.483
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.7)	1.675.888.926	1.504.297.174
5. Phải trả người lao động	315		32.128.911	4.042.366.721
6. Chi phí phải trả	316		1.738.834.120	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		2.307.938.619	977.670.645
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.8)	4.056.612.323	2.315.579.323
II. Nợ dài hạn	330		2.997.396	17.105.696
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.997.396	17.105.696
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		118.935.130.614	126.541.098.567
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.9.1)	118.935.130.614	126.541.098.567
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.000.000.000	2.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		20.985.130.614	29.591.098.567
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		143.303.313.450	154.234.041.656

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		612.861,32	653.218,54
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ BÌNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		184.520.440.447	152.239.362.888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	184.520.440.447	152.239.362.888
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	171.240.795.332	140.259.394.158
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.279.645.115	11.979.968.730
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	10.428.102.913	10.324.600.988
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	6.528.882.750	4.688.059.766
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	4.562.316.364	3.707.008.131
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.616.548.914	13.909.501.821
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.616.548.914	13.909.501.821
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.476.166.867	1.390.470.251
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.140.382.047	12.519.031.570
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	(5.9.3)	1.238	1.526

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.616.548.914	13.909.501.821
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.544.320.542	1.206.446.073
Các khoản dự phòng	03			
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.219.301.671)	(5.108.117.225)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		10.941.567.785	10.007.830.669
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.792.852.231)	(15.793.163.015)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(6.314.094.990)	371.001.258
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		316.829.880	(2.444.662.734)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.428.984.130)	(1.053.678.576)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.047.980.000)	(498.533.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		(6.325.513.686)	(9.411.205.798)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(200.528.569)	(572.686.746)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.058.824.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			231.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.360.479.126	5.842.117.225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.101.126.557	8.500.430.479

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			41.300.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.773.498.000)	(8.109.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.773.498.000)	(8.068.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(18.997.885.129)	(8.978.875.319)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.900.654.506	33.763.127.790
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		23.902.769.377	24.784.252.471

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM, ngày 24 tháng 06 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Đại lý Vận Tải Và Gom Hàng thành Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 064162, ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty còn thành lập các chi nhánh sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049, ngày 29 tháng 12 năm 2000 và thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696, ngày 22 tháng 09 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.
- Văn phòng đại diện thương mại tại Vương quốc Campuchia được thành lập theo Giấy chứng nhận xác nhận có đăng ký trong sổ thương mại số 5692 TM/PC, ngày 17 tháng 12 năm 2010 do Bộ Thương Mại Campuchia cấp.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các dịch vụ: giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh: kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý cho các công ty chuyển phát nhanh nước ngoài;
- Gia công nút áo bằng vỏ sò, đồ gỗ;
- Gia công quần áo và hàng gia dụng bằng nylon-nhựa PVC;
- Gia công hàng dệt may;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Dịch vụ chuyển phát.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán tỷ giá hối đoái theo phương pháp tỷ giá hạch toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
+ Máy móc, thiết bị	04 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ 2% trên Quỹ tiền lương làm cơ sở đóng Bảo hiểm Xã hội của doanh nghiệp.

4.7. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo ở trang 14)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.828.640.491	2.113.968.797
Tiền gửi ngân hàng	17.074.128.886	29.786.685.709
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	11.000.000.000
Tổng cộng	23.902.769.377	42.900.654.506

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	37.368.326.677	31.173.887.546
Trả trước cho người bán	13.536.912.093	12.983.429.729
Các khoản phải thu khác	8.896.237.073	9.091.722.847
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	59.801.475.843	53.249.040.122
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.131.501.397)	(1.131.501.397)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	58.669.974.446	52.117.538.725

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Khoản trả trước cho người bán chủ yếu bao gồm 2 khoản ứng trước sau:

- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 20% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh – Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 5.374.987.428 đồng.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch – Đồng Nai	7.396.356.080	7.396.356.080
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.388.822.545	1.530.000.000
Khác	111.058.448	165.366.767
Cộng	8.896.237.073	9.091.722.847

5.3. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	3.878.993.778	1.779.754.723
Bảo lãnh giấy phép vận tải đa phương thức	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng cộng	5.878.993.778	3.779.754.723

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.082.292.806	1.626.352.706	20.338.868.603	1.224.865.648	31.272.379.763
Mua trong kỳ	-	32.136.364	-	168.392.205	200.528.569
Số dư cuối kỳ	8.082.292.806	1.658.489.070	20.338.868.603	1.393.257.853	31.472.908.332
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.531.890.282	735.119.832	6.384.302.913	754.910.418	12.406.223.445
Khấu hao trong kỳ	307.506.804	112.324.992	1.010.890.938	113.597.808	1.544.320.542
Số dư cuối kỳ	4.839.397.086	847.444.824	7.395.193.851	868.508.226	13.950.543.987
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	3.550.402.524	891.232.874	13.954.565.690	469.955.230	18.866.156.318
Tại ngày cuối kỳ	3.242.895.720	811.044.246	12.943.674.752	524.749.627	17.522.364.345

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.708.909.753 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.5. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	18.650.824.000	17.592.000.000
Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	15.416.283.802	15.416.283.802
Đầu tư dài hạn khác	1.581.150.000	1.581.150.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	35.648.257.802	34.589.433.802
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	35.648.257.802	34.589.433.802

Đầu tư vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương Hà Nội (Vinatrans Hà Nội)	1.320.000	13.200.000.000	1.320.000	13.200.000.000
Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	439.200	4.392.000.000	439.200	4.392.000.000
Công ty Cổ Phần Logistic Kim Thành		1.058.824.000		-
Tổng cộng		18.650.824.000		17.592.000.000

Đầu tư vào công ty liên doanh được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	9,15%	4.908.430.302	9,15%	4.908.430.302
Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	51%	3.680.051.500	51%	3.680.051.500
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	49%	3.148.740.000	49%	3.148.740.000
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	45%	2.130.300.000	45%	2.130.300.000
Công ty TNHH Hapag – Lloyd (Việt Nam)	49%	1.548.762.000	49%	1.548.762.000
Tổng cộng		15.416.283.802		15.416.283.802

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (Vinafreight) - 85.500 cổ phần	1,50%	855.000.000	1,50%	855.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	9,81%	726.150.000	9,81%	726.150.000
Tổng cộng		1.581.150.000		1.581.150.000

5.6. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	10.397.085.491	8.196.957.047
Người mua trả tiền trước	4.156.697.050	10.638.966.483
Tổng cộng	14.553.782.541	18.835.923.530

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	609.423.717	396.761.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	845.277.809	798.095.072
Thuế thu nhập cá nhân	59.762.659	97.137.519
Các loại thuế khác	161.424.741	212.303.564
Tổng cộng	1.675.888.926	1.504.297.174

5.8. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	2.315.579.323	1.607.138.323
Trích lập trong kỳ	2.546.350.000	1.544.900.000
Tăng khác	628.000.000	-
Sử dụng trong kỳ	1.433.317.000	395.733.400
Số dư cuối kỳ	4.056.612.323	2.756.304.923

(Phần tiếp theo ở trang 18)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.9. Vốn chủ sở hữu

5.9.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	81.900.000.000	4.950.000.000	1.000.000.000	791.153.530	28.932.745.713	117.573.899.243
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	23.650.425.854	23.650.425.854
Tăng vốn điều lệ từ cổ tức	8.058.700.000	-	-	-	(8.058.700.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.082.400.000)	(12.082.400.000)
Tăng khác	41.300.000	-	1.000.000.000	-	-	1.041.300.000
Giảm khác	-	-	-	(791.153.530)	(2.850.973.000)	(3.642.126.530)
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	4.950.000.000	2.000.000.000	-	29.591.098.567	126.541.098.567
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	11.140.382.047	11.140.382.047
Chia cổ tức	-	-	-	-	(16.200.000.000)	(16.200.000.000)
Tăng khác	-	-	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	(3.546.350.000)	(3.546.350.000)
Số dư cuối kỳ	90.000.000.000	4.950.000.000	3.000.000.000	-	20.985.130.614	118.935.130.614

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.9.2. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.9.3. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	11.140.382.047	12.519.031.570
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.000.000	8.203.425
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.238	1.526

5.9.4. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	29.591.098.567	28.932.745.713
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	11.140.382.047	12.519.031.570
Chia cổ tức	(16.200.000.000)	(13.841.100.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.546.350.000)	(1.544.900.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Khen thưởng Ban điều hành	-	(299.823.000)
Khác	-	(1.200.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	20.985.130.614	24.764.754.283

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu phòng hàng không	61.788.285.737	68.118.303.046
Doanh thu phòng đường biển	40.789.838.346	28.581.250.626
Doanh thu phòng logistics	21.484.741.913	17.779.378.450
Doanh thu phòng Hapag – Lloyd	1.754.011.217	1.393.588.784
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	46.019.780.916	28.269.761.132
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	12.683.782.318	8.097.080.850
Doanh thu thuần	184.520.440.447	152.239.362.888

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn phòng hàng không	58.270.335.632	62.851.322.503
Giá vốn phòng đường biển	35.947.318.339	25.291.311.861
Giá vốn phòng logistics	17.983.801.095	15.165.222.843
Giá vốn phòng Hapag – Lloyd	1.636.357.521	1.294.201.926
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	44.779.724.061	27.405.822.749
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	12.623.258.684	8.251.512.276
Tổng cộng	171.240.795.332	140.259.394.158

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.208.801.242	5.216.483.763
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.333.562.545	3.856.650.000
Lãi tiền gửi	885.739.126	1.024.217.225
Lãi từ bán cổ phiếu	-	227.250.000
Tổng cộng	10.428.102.913	10.324.600.988

6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.528.882.750	4.688.059.766

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	1.432.853.671	1.118.323.408
Chi phí vật liệu	474.613.013	252.273.658
Chi phí đồ dùng văn phòng	100.518.567	109.537.891
Chi phí khấu hao	161.247.406	163.270.377
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.724.969.375	1.815.326.725
Chi phí quản lý khác	664.114.332	244.276.072
Tổng cộng	4.562.316.364	3.707.008.131

(Phần tiếp theo ở trang 22)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành phố Hà Nội
- Thành phố Hải Phòng

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

	ĐVT: triệu đồng									
	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	125.816	115.872	46.020	28.270	12.684	8.097	-	-	184.520	152.239
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	125.816	115.872	46.020	28.270	12.684	8.097	-	-	184.520	152.239
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	7.416	7.562	1.240	864	61	(154)	-	-	8.717	8.272
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính và chi phí tài chính	7.416	7.562	1.240	864	61	(154)	-	-	8.717	8.272
Thu nhập tài chính	9.634	9.553	792	764	2	8	-	-	10.428	10.325
Chi phí tài chính	(5.568)	(4.318)	(960)	(370)	(1)	-	-	-	(6.529)	(4.688)
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.476)	(1.390)	-	-	-	-	-	-	(1.476)	(1.390)
Lợi nhuận sau thuế	10.006	11.407	1.072	1.258	62	(146)	-	-	11.140	12.519

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Các thông tin khác

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	127.643	140.464	16.994	15.480	5.945	5.210	(7.279)	(6.920)	143.303	154.234
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	127.643	140.464	16.994	15.480	5.945	5.210	(7.279)	(6.920)	143.303	154.234
Nợ phải trả của bộ phận	15.980	20.060	9.640	9.200	6.027	5.353	(7.279)	(6.920)	24.368	27.693
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	15.980	20.060	9.640	9.200	6.027	5.353	(7.279)	(6.920)	24.368	27.693

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản	157	506	24	-	20	67	-	-	201	573
Chi phí khấu hao	1.287	885	79	65	562	257	(384)	-	1.544	1.207

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	150.920.000	150.920.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	627.976.362	704.741.278
Tổng cộng	778.896.362	855.661.278

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 02 tháng 08 năm 2011.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN